Một số mô hình kể chuyện bằng dữ liệu trên báo mạng điện tử hiện nay

Some data storytelling models in online newspapers today

TS. PHẠM THỊ MAI LIÊN
Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: phamthimailien.ajc@gmail.com

Ngày nhận bài: 16/06/2026 Ngày phản biện: 09/7/2026 Ngày chấp nhận đăng: 20/9/2026
Chủ đề của bài viết thuộc lĩnh vực: Báo chí truyền thông

Tóm tắt: *Trong bối cảnh chuyển đổi số, kể chuyện bằng dữ liệu (data storytelling) đang trở thành phương thức quan trọng giúp nhà báo chuyển hóa dữ liệu phức tạp thành những câu chuyện trực quan, dễ hiểu và giàu sức thuyết phục. Trên cơ sở nghiên cứu tài liệu và phân tích trường hợp, bài viết làm rõ khái niệm kể chuyện bằng dữ liệu dưới góc độ báo chí - truyền thông, nhấn mạnh sự kết hợp giữa dữ liệu, trực quan hóa và cấu trúc tự sự. Đồng thời, nhận diện và phân tích ba mô hình kể chuyện bằng dữ liệu trên báo mạng điện tử Việt Nam hiện nay gồm: Kim tự tháp ngược, Chồng khối và Ly Martini - thông qua việc phân tích các tác phẩm báo chí dữ liệu tiêu biểu. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở lý luận và nhận diện xu hướng phát triển của báo chí dữ liệu tại Việt Nam.*
Từ khóa: *kể chuyện bằng dữ liệu; báo chí dữ liệu; báo mạng điện tử; mô hình kể chuyện; chuyển đổi số...*

Abstract: *In the context of digital transformation, data storytelling is becoming an important approach that enables journalists to transform complex data into visual, accessible, and compelling stories. Based on document research and case analysis, this article clarifies the concept of data storytelling from a journalism and communication perspective, emphasizing the combination of data, visualization, and narrative structure. It also identifies and analyzes three data storytelling models currently used in Vietnamese online newspapers: the Inverted Pyramid, the Block, and the Martini Glass, through an analysis of representative data journalism works. The findings contribute to the theoretical foundation for and understanding of emerging trends in data journalism in Vietnam.*
Keywords: *data storytelling; data journalism; online newspapers; storytelling models; digital transformation.*

1. Đặt vấn đề

Sự phát triển mạnh mẽ của báo chí dữ liệu (data journalism), trí tuệ nhân tạo và các nền tảng truyền thông số không chỉ mở rộng khả năng khai thác dữ liệu mà còn đặt ra yêu cầu đổi mới phương thức kể chuyện nhằm chuyển hóa những tập dữ liệu phức tạp thành các nội dung có giá trị thông tin, giá trị giải thích và sức thuyết phục đối với công chúng. Trong xu thế đó, kể chuyện bằng dữ liệu (data storytelling) đang được xem là một phương thức truyền thông hiệu quả, kết hợp giữa dữ liệu, kỹ thuật trực quan hóa và nghệ thuật xây dựng tự sự để tạo ra trải nghiệm tiếp nhận mới.

Thực tiễn báo chí hiện nay cho thấy, việc ứng dụng kể chuyện bằng dữ liệu ở nhiều cơ quan báo chí vẫn còn mang tính tự phát, chủ yếu dừng lại ở việc sử dụng đồ họa hoặc trực quan hóa số liệu mà chưa hình thành tư duy thiết kế câu chuyện dựa trên dữ liệu và chưa có sự phân biệt rõ giữa các mô hình kể chuyện khác nhau. Trong khi đó, các nghiên cứu trong nước về chủ đề này còn phân tán, thiếu một cách tiếp cận hệ thống cả về lý luận và thực tiễn.

Xuất phát từ yêu cầu đó, bài viết tập trung luận giải khái niệm kể chuyện bằng dữ liệu (Data Story-

telling) làm cơ sở để phân tích một số mô hình kể chuyện dữ liệu cơ bản đang được áp dụng trên báo chí hiện nay; đồng thời chỉ ra đặc điểm, lợi thế trong việc truyền tải thông tin của từng mô hình, qua đó góp phần bổ sung cơ sở khoa học cho việc đổi mới nội dung và hình thức truyền thông trong môi trường báo chí số.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, kết hợp giữa phân tích - tổng hợp tài liệu và nghiên cứu trường hợp. Trong đó, phương pháp phân tích tài liệu được vận dụng nhằm hệ thống hóa các quan điểm lý luận về kể chuyện bằng dữ liệu, đồng thời khảo cứu các công trình nghiên cứu quốc tế và trong nước liên quan đến các mô hình kể chuyện bằng dữ liệu. Trên cơ sở đó, bài viết đối chiếu với thực tiễn phát triển của báo mạng điện tử Việt Nam để nhận diện những mô hình đang được áp dụng phổ biến. Bên cạnh đó, phương pháp nghiên cứu trường hợp được sử dụng để phân tích một số tác phẩm báo chí dữ liệu tiêu biểu, nhằm làm rõ đặc điểm, cách thức vận hành và sự phù hợp của từng mô hình kể chuyện bằng dữ liệu trong bối cảnh báo chí Việt Nam hiện nay.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Kể chuyện bằng dữ liệu (Data Storytelling)

Cùng với sự phát triển của báo chí dữ liệu và truyền thông số, *kể chuyện bằng dữ liệu* được xem là một trong những phương thức truyền đạt thông tin hiệu quả để chuyển hóa dữ liệu thành tri thức phục vụ công chúng. Mặc dù được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, các nghiên cứu quốc tế và trong nước đều thống nhất rằng đây không phải là hoạt động trình bày số liệu đơn thuần mà là *quá trình kiến tạo một câu chuyện dựa trên dữ liệu*, nhằm giúp người tiếp nhận hiểu được ý nghĩa của các hiện tượng xã hội thông qua những bằng chứng định lượng được tổ chức theo một logic tự sự.

Điểm gặp gỡ trong các quan niệm về kể chuyện bằng dữ liệu là sự khẳng định vai trò của ba thành tố cốt lõi gồm: *dữ liệu* (data), *trực quan hóa* (visualization) và *tự sự* (narrative). Theo cách tiếp cận này, dữ liệu cung cấp bằng chứng khách quan cho câu chuyện; trực quan hóa giúp chuyển đổi những tập dữ liệu phức tạp thành các hình thức biểu đạt dễ tiếp nhận như biểu đồ, bản đồ hay đồ họa tương tác; trong khi cấu trúc tự sự đóng vai trò kết nối các dữ kiện thành một mạch logic, tạo nên ý nghĩa và sức thuyết phục của thông điệp. Chính sự kết hợp của ba thành tố này giúp dữ liệu vượt ra khỏi chức năng mô tả để trở thành phương tiện giải thích và kiến tạo tri thức.

Các công trình nghiên cứu tiêu biểu đều nhấn mạnh đặc điểm đó. Brent Dykes (2015) xem kể chuyện bằng dữ liệu là: phương thức truyền đạt những hiểu biết rút ra từ dữ liệu thông qua trực quan hóa, kết hợp bằng chứng định lượng với yếu tố cảm xúc nhằm làm cho dữ liệu trở nên hấp dẫn và dễ hiểu hơn; đồng thời sử dụng kỹ thuật tự sự để đơn giản hóa các thông tin phức tạp (Dykes, Brent, 2015). Theo hướng tiếp cận tương tự, Bryan Hosack (2021) cho rằng đây là "một cách thức có cấu trúc để truyền đạt những hiểu biết từ dữ liệu thông qua sự kết hợp giữa dữ liệu, trực quan hóa và tự sự, qua đó chuyển hóa dữ liệu thành tri thức có khả năng ứng dụng trong thực tiễn"(Hosack, B. J., 2021).

Trong một số nghiên cứu ở Việt Nam cũng khẳng định: kể chuyện bằng dữ liệu được cấu thành từ ba yếu tố cơ bản là dữ liệu, hình ảnh trực quan và phần tường thuật (Nguyễn Thị Thu Hường, 2023), cho thấy sự thống nhất khá rõ ràng giữa các quan điểm nghiên cứu trong và ngoài nước.

Dưới góc độ báo chí – truyền thông, kể chuyện bằng dữ liệu không chỉ là một kỹ thuật trực quan hóa mà còn là một phương thức sản xuất tác phẩm báo chí. Điểm khác biệt của phương thức này nằm ở việc nhà báo sử dụng dữ liệu như chất liệu trung tâm để xây dựng câu chuyện, tổ chức các sự kiện, nhân vật và bối cảnh theo một cấu trúc tự sự nhằm tạo ra trải nghiệm thông tin toàn diện cho công chúng. Theo tác giả Phạm Thị Mai Liên (2021), đó là phương thức nhà báo tìm kiếm, thu thập, phân tích và kết nối các dữ kiện, con số thành một câu chuyện chân thực, dễ hiểu và sống động, qua đó kích thích độc giả cả về trí tuệ lẫn cảm xúc khi tiếp nhận thông tin.

Kế thừa và phát triển từ các quan điểm trên, có thể hiểu rằng kể chuyện bằng dữ liệu trong báo chí là *phương thức tổ chức, trình bày thông tin theo một cấu trúc tự sự nhất định; dựa trên quá trình tìm kiếm,*

thu thập, phân tích để chuyển hóa những tập dữ liệu phức tạp thành câu chuyện chân thực, cảm xúc và dễ hiểu; được thể hiện bằng các hình thức trực quan và công nghệ truyền thông phù hợp, qua đó nâng cao khả năng giải thích, thuyết phục và tương tác với công chúng. Theo nghĩa này, dữ liệu không còn là đích đến của quá trình truyền thông mà trở thành chất liệu để kiến tạo câu chuyện, còn kể chuyện chính là phương thức làm cho dữ liệu trở nên có giá trị xã hội và giá trị truyền thông. Đây cũng chính là nền tảng lý luận để phân tích một số mô hình kể chuyện bằng dữ liệu trên báo chí hiện nay.

3.2. Một số mô hình kể chuyện bằng dữ liệu trên báo mạng điện tử hiện nay

Các nghiên cứu về báo chí dữ liệu trong hơn một thập niên gần đây cho thấy sự phát triển của kể chuyện bằng dữ liệu không chỉ gắn với sự gia tăng về quy mô dữ liệu mà còn gắn với quá trình đa dạng hóa các cấu trúc tổ chức câu chuyện. Điểm đáng chú ý là mặc dù dữ liệu được xem là nền tảng của tác phẩm, hiệu quả truyền thông lại phụ thuộc rất lớn vào cách thức dữ liệu được sắp xếp, dẫn dắt và trình bày trong một cấu trúc tự sự cụ thể.

Trên cơ sở khảo sát 118 tác phẩm báo chí dữ liệu, tác giả Bahareh Heravi đã chỉ ra rằng các sản phẩm báo chí dữ liệu trên thế giới thường vận dụng một số cấu trúc kể chuyện chủ yếu như: Inverted Pyramid (Kim tự tháp ngược), Narrative Structure (Tự sự), Stack of Blocks (Chồng khối), Martini Glass (Ly Martin), Water Tower Structure (Tháp nước) hay mô hình Kabob (Heravi, B., 2024)... Tuy nhiên, mức độ phổ biến của từng mô hình phụ thuộc đáng kể vào điều kiện phát triển của từng nền báo chí, đặc biệt là năng lực dữ liệu, trình độ nhân lực và hạ tầng công nghệ của các tòa soạn.

Đối chiếu với thực tiễn phát triển của loại hình báo mạng điện tử ở Việt Nam cho thấy, mặc dù nhiều mô hình kể chuyện bằng dữ liệu đã được các cơ quan báo chí, các nhà báo dữ liệu tiếp cận từ kinh nghiệm quốc tế; song tác giả cho rằng, hiện có ba mô hình xuất hiện khá thường xuyên và có khả năng thích ứng cao nhất hiện nay gồm: Kim tự tháp ngược (Inverted Pyramid), Chồng khối (Stack of Blocks) và Ly Martini (Martini Glass). Từ nhận thức đó, tác giả nghiên cứu các công trình công bố trước đó để khái quát, phân tích các đặc trưng của từng mô hình và lý giải sự phù hợp với thực tiễn báo chí dữ liệu tại Việt Nam.

3.2.1. Mô hình Kim tự tháp ngược (Inverted Pyramid)

Một trong những đặc điểm nổi bật của mô hình Kim tự tháp ngược là đưa phát hiện hoặc kết luận quan trọng nhất lên phần đầu tác phẩm, sau đó mới triển khai các dữ liệu, bằng chứng và lớp thông tin giải thích nhằm làm rõ nhận định ban đầu. Khảo sát của Heravi cho thấy đây là mô hình xuất hiện với tần suất cao nhất trong các sản phẩm báo chí dữ liệu được khảo sát, chiếm khoảng 33,6% (Heravi, B., 2022). Điều này cho thấy mặc dù dữ liệu làm thay đổi cách thức thu thập và xử lý thông tin, song logic tiếp nhận thông tin của công chúng vẫn chủ yếu vận hành theo nguyên tắc "kết luận trước - bằng chứng sau".

Tác phẩm "2025 - Năm thiên tai vượt ngưỡng và giới hạn của hệ thống phòng thủ" đăng tải trên báo điện tử VnExpress thể hiện khá rõ đặc trưng này. Ngay từ tiêu đề và phần mở đầu, tác phẩm đã đưa ra luận điểm trung tâm: năm 2025 đánh dấu sự xuất hiện của nhiều hiện tượng thiên tai cực đoan với cường độ và mức độ tác động vượt quá khả năng ứng phó của hệ thống phòng chống thiên tai hiện hành. Như vậy, kết luận quan trọng nhất của câu chuyện được công bố ngay ở lớp thông tin đầu tiên, trước khi người đọc tiếp cận các dữ liệu cụ thể.

Đối chiếu giữa mô hình lý thuyết và cấu trúc thực tế của tác phẩm, có thể dễ dàng nhận thấy sự tương đồng sau đây:

Cấu trúc Kim tự tháp ngược	Biểu hiện trong tác phẩm trên VnExpress
Kết luận trung tâm được công bố ngay từ đầu	Tiêu đề và phần mở đầu khẳng định thiên tai năm 2025 đã vượt quá ngưỡng ứng phó của hệ thống phòng thủ hiện hành
Dữ liệu được sử dụng để chứng minh kết luận	Hệ thống số liệu về bão, mưa cực đoan, sạt lở, thiệt hại kinh tế và phạm vi ảnh hưởng được triển khai ngay sau phần mở đầu
Các trường hợp cụ thể làm rõ dữ liệu	Những câu chuyện và hình ảnh từ các địa phương chịu ảnh hưởng nặng nề bởi thiên tai được sử dụng như minh chứng thực tiễn
Phân tích nguyên nhân và bối cảnh	Tác phẩm lý giải hiện tượng thông qua biến đổi khí hậu, sự gia tăng các hiện tượng thời tiết cực đoan và những hạn chế trong năng lực ứng phó
Thông tin bổ trợ và hàm ý chính sách	Các ý kiến chuyên gia, đánh giá hệ thống phòng chống thiên tai và khuyến nghị chính sách được đặt ở phần cuối tác phẩm

Bảng 1: Đối chiếu mô hình Kim tự tháp ngược với tác phẩm "2025 - Năm thiên tai vượt ngưỡng và giới hạn của hệ thống phòng thủ" (Nguồn: Tác giả tổng hợp)

Kết quả đối chiếu cho thấy toàn bộ tác phẩm được tổ chức theo đúng trình tự vận động của mô hình Kim tự tháp ngược. Lớp thông tin có giá trị cao nhất không nằm ở cuối quá trình đọc mà được công bố ngay từ đầu. Sau khi xác lập luận điểm trung tâm, tác giả mới từng bước huy động dữ liệu, minh chứng thực tiễn và phân tích chuyên gia để củng cố cho kết luận đã được đưa ra.

Đáng chú ý, dữ liệu trong tác phẩm không đóng vai trò là đối tượng để độc giả tự khám phá nhằm tìm kiếm phát hiện mới. Trái lại, toàn bộ hệ thống dữ liệu được lựa chọn và sắp xếp nhằm chứng minh cho một nhận định đã được xác lập từ trước. Điều này phản ánh đúng bản chất của mô hình Kim tự tháp ngược trong báo chí dữ liệu, nơi dữ liệu giữ vai trò bằng chứng (evidence) hơn là không gian khám phá (exploration).

Từ trường hợp nghiên cứu trên, có thể rút ra một nhận định đáng chú ý: báo chí dữ liệu Việt Nam hiện nay chủ yếu phát triển theo hướng tích hợp dữ liệu vào các cấu trúc báo chí truyền thống thay vì thay thế chúng bằng các mô hình kể chuyện tương tác phức tạp. Nói cách khác, sự đổi mới nằm ở năng lực khai thác, phân tích và trực quan hóa dữ liệu, trong khi logic tổ chức thông tin vẫn dựa chủ yếu trên nền tảng Kim tự tháp ngược. Đây cũng là một trong những lý do khiến mô hình này tiếp tục giữ vị trí chi phối trong nhiều sản phẩm báo chí dữ liệu trên báo mạng điện tử Việt Nam hiện nay.

3.2.2. Mô hình chồng khối (Stack of Blocks)

Nếu mô hình Kim tự tháp ngược được tổ chức xoay quanh một kết luận trung tâm thì mô hình Chồng khối lại dựa trên nguyên tắc phân tách vấn đề thành nhiều đơn vị nội dung tương đối độc lập. Theo Heravi, cấu trúc này thường được sử dụng đối với các chủ đề có tính phức hợp cao, trong đó mỗi khối thông tin tập trung phản ánh một chiều cạnh riêng của vấn đề, đồng thời liên kết với các khối khác để tạo nên ý nghĩa tổng thể của câu chuyện (Heravi, B., 2024). Thay vì dẫn dắt độc giả đi đến một kết luận duy nhất, mô hình Chồng khối giúp tái hiện hiện thực dưới nhiều góc nhìn khác nhau, cho phép dữ liệu được khai thác theo chiều rộng nhiều hơn chiều sâu.

Đặc điểm này được thể hiện rõ trong tác phẩm "*Trong mắt bão Yagi*" trên VnExpress. Khác với nhiều tác phẩm dữ liệu được xây dựng trên một phát hiện trung tâm, tác phẩm không lựa chọn một câu hỏi duy nhất để triển khai toàn bộ câu chuyện. Thay vào đó, nhóm tác giả tiếp cận siêu bão Yagi như một hiện tượng xã hội - môi trường đa chiều và tổ chức tác phẩm thành bốn lớp nội dung lớn: diễn biến cơn bão, thảm họa sạt lở đất, nguy cơ mất an toàn hồ đập và quá trình phục hồi sau thiên tai.

Điểm đáng chú ý là mỗi phần nội dung đều sở hữu hệ thống dữ liệu, nguồn tư liệu và phương thức thể hiện riêng. Phần một phản ánh diễn biến cơn bão chủ yếu khai thác dữ liệu khí tượng, đường đi và cường độ bão; phần hai tập trung vào các dữ liệu địa hình, thiệt hại và thương vong; phần ba sử dụng các thông tin liên quan đến hạ tầng thủy lợi và công tác ứng phó khẩn cấp; trong khi phần bốn lại hướng sự chú ý tới đời sống người dân và nỗ lực phục hồi sau thiên tai. Mỗi khối thông tin có thể được tiếp nhận như một câu chuyện tương đối hoàn chỉnh, nhưng đồng thời đều góp phần giải thích tác động toàn diện của siêu bão Yagi đối với xã hội.

Chính cách tổ chức này tạo nên khác biệt cơ bản giữa mô hình Chồng khối với các cấu trúc kể chuyện tuyến tính. Ở tác phẩm "Trong mắt bão Yagi", dòng tự sự không vận động theo trình tự "kết luận - chứng minh - giải thích" mà được mở rộng theo nhiều hướng tiếp cận khác nhau. Giá trị của câu chuyện không nằm ở một phát hiện duy nhất mà nằm ở khả năng kết nối nhiều lớp dữ liệu để tái hiện đầy đủ quy mô, mức độ và hệ lụy của thiên tai. Nói cách khác, ý nghĩa tổng thể của tác phẩm được hình thành từ sự cộng hưởng của các khối nội dung thay vì được quyết định bởi một luận điểm trung tâm.



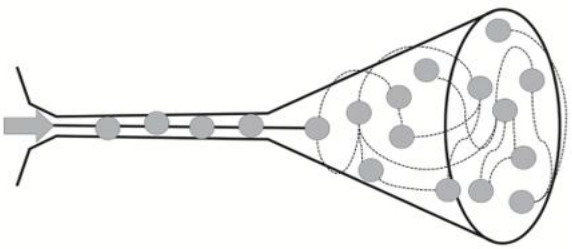
Hình 1: Tác phẩm "Trong mắt bão Yagi" được cấu trúc gồm 4 khối nội dung "Trong mắt bão", "Ngọn núi vỡ", "Cứu đập" và " Vực dậy" (Nguồn: VnExpress, đăng ngày 24/09/2024)

Từ góc độ kể chuyện bằng dữ liệu, đây là một lựa chọn đặc biệt phù hợp đối với các chủ đề có tính đa chiều như thiên tai, biến đổi khí hậu, phát triển đô thị hay các vấn đề chính sách công. Những chủ đề này thường không thể được lý giải đầy đủ bằng một tập dữ liệu hoặc một góc nhìn duy nhất. Việc phân tách câu chuyện thành nhiều khối nội dung cho phép nhà báo đồng thời khai thác nhiều nguồn dữ liệu, nhiều phương thức trực quan hóa và nhiều lớp thông tin khác nhau mà vẫn duy trì được tính thống nhất của tác phẩm.

Trường hợp "Trong mắt bão Yagi" cho thấy một xu hướng đáng chú ý của báo chí dữ liệu Việt Nam hiện nay: thay vì tập trung vào các sản phẩm tương tác phức tạp đòi hỏi trình độ công nghệ cao, nhiều tòa soạn đang lựa chọn mô hình Chồng khối như một giải pháp dung hòa giữa chiều sâu dữ liệu và khả năng tiếp nhận của công chúng. Đây cũng là một trong những cấu trúc phù hợp với các dạng thức tác phẩm mới như: megastory, long-form, spotlight, e-magazine… đang ngày càng phổ biến trên báo mạng điện tử ở Việt Nam.

3.2.3. Mô hình Ly Martini (Martini Glass)

Mô hình Ly Martini (Martini Glass) được xem là một trong những cấu trúc đặc trưng nhất của báo chí dữ liệu hiện đại. Đặc điểm nổi bật của mô hình này là phần đầu tác phẩm được tổ chức theo trình tự tuyến tính nhằm bảo đảm công chúng tiếp cận những phát hiện quan trọng nhất; sau đó, hệ thống dữ liệu được mở rộng để người đọc chủ động khám phá thông qua các công cụ tương tác. Trong nghiên cứu của mình, Heravi xem đây là một trong những cấu trúc thể hiện rõ sự kết hợp giữa kể chuyện (storytelling) và không gian khám phá dữ liệu (data exploration) (Heravi, B., 2024).



Hình 2. Mô phỏng mô hình Ly Martini (Nguồn: W.Weber, 2018)

Điểm mạnh của mô hình này nằm ở khả năng dung hòa hai yêu cầu tưởng như đối lập: bảo đảm công chúng tiếp nhận đúng thông điệp cốt lõi của tác giả và đồng thời vẫn tạo không gian cho sự tương tác và cá nhân hóa trải nghiệm. Đặc điểm này được thể hiện khá rõ trong *chuyên trang Quốc hội của Báo Nhân Dân điện tử, đặc biệt ở chuyên mục "Người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI (2026 - 2031)". Đây không* đơn thuần là một tác phẩm thông tin về kết quả bầu cử mà được xây dựng như một hệ thống dữ liệu công khai phục vụ nhu cầu tìm kiếm và tra cứu của công chúng.



Hình 3: Mỗi thao tác click chuột vào mỗi chấm tròn cho phép công chúng tự do khám phá các dữ liệu về đại biểu Quốc hội vừa trúng cử (Nguồn: Chuyên trang Quốc hội Việt Nam Báo Nhân dân điện tử)

Ở lớp thông tin đầu tiên, chuyên trang thực hiện chức năng kể chuyện theo cách thức truyền thống. Người đọc được cung cấp những thông tin khái quát về cơ cấu đại biểu theo độ tuổi, giới tính và trình độ học vấn của những người trúng cử đại biểu Quốc hội khoá XVI. Các dữ liệu được lựa chọn và tổ chức nhằm giúp công chúng nhanh chóng nắm bắt ý nghĩa chính trị - xã hội của sự kiện. Tại giai đoạn này, quyền quyết định dòng thông tin vẫn thuộc về cơ quan báo chí; công chúng tiếp cận nội dung theo trình tự đã được biên tập sẵn.

Tuy nhiên, điểm khác biệt xuất hiện khi người đọc tiếp cận cơ sở dữ liệu "*Người trúng cử đại biểu Quốc hội khóa XVI*". Thay vì tiếp tục dẫn dắt độc giả theo một mạch tự sự cố định, hệ thống cho phép người dùng chủ động tìm kiếm thông tin về từng

đại biểu như hình ảnh, họ tên, năm sinh, quê quán, trình độ lý luận chính trị hay trình độ chuyên môn… Từ đây, quá trình tiếp nhận thông tin không còn diễn ra theo một chiều mà chuyển sang trạng thái tương tác.

Điều đáng chú ý là mỗi người dùng sẽ có một hành trình tiếp nhận hoàn toàn khác nhau. Một cử tri tại Hà Nội có thể chỉ quan tâm đến những đại biểu được bầu tại địa phương mình; một nhà nghiên cứu chính trị có thể khai thác dữ liệu về cơ cấu đại biểu theo nghề nghiệp, giới tính hoặc độ tuổi; trong khi một nhà báo khác lại tập trung vào các đại biểu thuộc lĩnh vực chuyên môn cụ thể. Như vậy, mặc dù cùng sử dụng một hệ thống dữ liệu, mỗi người dùng đều có khả năng tạo ra những kết quả thông tin và những cách diễn giải khác nhau.

Từ góc độ lý luận báo chí - truyền thông dữ liệu, đây chính là dấu hiệu nhận diện quan trọng nhất của mô hình Ly Martini. Giá trị của sản phẩm không còn nằm hoàn toàn ở nội dung mà nhà báo trực tiếp kể lại, mà được mở rộng thông qua khả năng khai thác dữ liệu của công chúng. Dữ liệu vì thế không chỉ là bằng chứng phục vụ hoạt động truyền thông mà trở thành một không gian tương tác, nơi người dùng tham gia vào quá trình sản xuất ý nghĩa. Nói cách khác, nhà báo không còn là chủ thể duy nhất quyết định lộ trình tiếp nhận thông tin mà đóng vai trò thiết kế môi trường để công chúng tự khám phá.

4. Kết luận

Có thể nói, kể chuyện bằng dữ liệu đang trở thành một xu hướng quan trọng trong quá trình chuyển đổi số báo chí, góp phần nâng cao khả năng truyền tải thông tin, tăng tính trực quan và mở rộng tương tác với công chúng. Trên cơ sở hệ thống hóa các quan điểm lý luận và nghiên cứu trường hợp một số tác phẩm báo chí dữ liệu tiêu biểu, nghiên cứu cho thấy ba mô hình Kim tự tháp ngược, Chồng khối và Ly Martini hiện là những cấu trúc kể chuyện bằng dữ liệu bước đầu được sử dụng trên báo mạng điện tử Việt Nam. Mỗi mô hình phản ánh một cách thức tổ chức và khai thác dữ liệu khác nhau, từ truyền tải phát hiện trọng tâm, trình bày đa chiều đến tạo lập không gian khám phá dữ liệu cho người dùng. Điều này cho thấy báo chí dữ liệu Việt Nam đang từng bước tiếp cận các xu hướng phát triển của báo chí số hiện đại, đồng thời mở ra những yêu cầu mới về năng lực dữ liệu, công nghệ và tư duy kể chuyện của đội ngũ nhà báo./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dykes, Brent (2015), *Data storytelling: What it is and how it can be used to effectively communicate analysis results*, Applied Marketing Analytics: The Peer-Reviewed Journal, 1(4), p.299-313

2. Heravi, B. (2022), *Storytelling structures in data journalism: Introducing the Water Tower structure*, Proceedings of the Computation + Journalism Conference 2022, p.7

3. Heravi, B. (2024), *Storytelling Structures in Data Journalism: Introducing the water tower structure*, The Routledge Companion to Digital Journalism Studies, 2nd Edition, Chapter 27, Routledge. https://doi.org/10.4324/9781003334774-33

4. Hosack, B. J. (2021), *Data story: explain data and inspire action through story: book edited by Nancy Duarte*, Journal of Information Technology Case and Application Research, 23(4), p.310.

5. Weber, W., Engebretsen, M., & Kennedy, H. (2018), *Data stories. Rethinking journalistic storytelling in the context of data journalism*, Studies in Communication Sciences, 18 (1), p.191-206.

6. Nguyễn Thị Thu Hường (2023), *Xu hướng phát triển của báo chí dữ liệu tại Việt Nam,* Luận án Tiến sĩ Báo chí học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, Hà Nội, tr.39

7. Phạm Thị Mai Liên (2021), *Kể chuyện thông qua dữ liệu trong sáng tạo tác phẩm báo chí*, Tạp chí Lý luận chính trị và truyền thông, số tháng 12, tr.80.

8. https://nhandan.vn/quoc-hoi 10.

9.https://vnexpress.net/trong-mat-bao-yagi-4795556.html 8.

10. https://vnexpress.net/2025-nam-thien-tai-cuc-han-4999742.html.